

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH NGÂN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH NGÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110837062

3. Ngày thành lập: 16/09/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 1, tòa nhà Vimeco, Lô E9, đường Phạm Hùng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0379302199

Fax:

Email: dautuphattrienluuthanh@gmail.com. Website: com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
2.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
4.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
5.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
6.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
7.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
8.	Đúc sắt, thép	2431
9.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
10.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
11.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
12.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
14.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
15.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở chính)	3811
16.	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở chính)	3812

17.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở chính)	3821
18.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở chính)	3822
19.	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở chính)	3830
20.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
21.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
22.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
23.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
24.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
25.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
26.	Bán buôn thực phẩm	4632
27.	Bán buôn đồ uống	4633
28.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
29.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
30.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
31.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ máy móc, thiết bị y tế)	4659
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662(Chính)
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

36.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
37.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
39.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
41.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
42.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
43.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
44.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ dược phẩm)	4772
45.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khi)	4773
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Điều 4, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP) - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (Điều 6, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP) - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP) - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933
48.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
49.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
50.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LUÙ VẮN THANH

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 05/10/1982 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031082008437

Ngày cấp: 18/09/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Xóm 1, Kinh Giao 1, Xã Tân Tiến, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 1, Kinh Giao 1, Xã Tân Tiến, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: LƯU VĂN THANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 05/10/1982

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031082008437

Ngày cấp: 18/09/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Xóm 1, Kinh Giao 1, Xã Tân Tiến, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 1, Kinh Giao 1, Xã Tân Tiến, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội